

BÁO CÁO

**Kết quả công tác thực hành tiết kiệm,
chống lãng phí trên địa bàn huyện năm 2021**

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ văn bản số 108/STC-TTr ngày 18/01/2022 của Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình THPT, CLP trong năm 2021;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của huyện năm 2021, được thể hiện trên các lĩnh vực chủ yếu sau:

I. Về công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện:

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các văn bản pháp luật có liên quan, UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban cấp huyện, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021. Trong đó tập trung chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ sau: tăng cường công tác quản lý chi ngân sách nhà nước, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm và hiệu quả, triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn, nhằm phấn đấu đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế và dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương; tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất đai đảm bảo sử dụng tiết kiệm nguồn tài nguyên; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí theo quy định trên mọi lĩnh vực.

Trong năm 2021, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện tốt quy chế dân chủ, tạo điều kiện để mọi cán bộ, công chức và nhân dân tham gia công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kết hợp công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí với việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Trên cơ sở các văn bản pháp luật hiện hành, UBND huyện đã ban hành một số văn bản tạo điều kiện cho các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của đơn vị mình theo hướng tăng cường các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện.

2. Việc xây dựng, ban hành các văn bản pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 26/01/2021 của UBND huyện về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2021; Quyết định số 738/QĐ-UBND ngày 16/4/2021 về việc ban hành

Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2021 của huyện; Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của UBND huyện về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2020.

Thường xuyên quán triệt đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, chú trọng lĩnh vực quản lý thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý tài sản công và gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong “học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh”.

II. Kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Thực hành tiết kiệm trong quản lý, sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước:

Việc quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước đối với các nguồn kinh phí ngân sách được thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước: sau khi dự toán ngân sách được Ban Thường vụ Huyện ủy thông qua, UBND huyện trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết, trên cơ sở Nghị quyết của HĐND huyện, UBND huyện quyết định giao dự toán cụ thể cho các cơ quan đơn vị, các xã, thị trấn, đồng thời tiến hành công khai dự toán cấp huyện, cấp xã theo quy định.

Chi ngân sách trong năm 2021 được tổ chức, quản lý theo đúng quy định của cơ chế phân cấp hiện hành. Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn triển khai tích cực, điều hành ngân sách bám sát dự toán được giao, đảm bảo các chế độ chi cho con người, các chế độ cho đối tượng chính sách và đối tượng bảo trợ xã hội; ngân sách giao cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn được sắp xếp các nhiệm vụ chi theo thứ tự ưu tiên đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả góp phần kiềm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của địa phương.

Tiếp tục giao tự chủ biên chế và kinh phí quản lý hành chính cho 05 đơn vị sự nghiệp, 18 phòng ban, hội đoàn thể thuộc huyện và 51 trường, 02 trung tâm giáo dục công lập trên địa bàn huyện theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP và Nghị định 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ; trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị, đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quản lý và sử dụng tài sản công. Đồng thời, định kỳ công khai tình hình sử dụng và tiến độ chi ngân sách cho cán bộ, công chức. Đưa ra các biện pháp tiết kiệm tối đa 15% chi phí các khoản chi tiếp khách, xăng xe, văn phòng phẩm, điện nước... Kết quả trong năm 2021 đã tiết kiệm kinh phí do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức nhằm tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức với số tiền 668 triệu đồng.

Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập: Ban quản lý Chợ huyện Đak Đoa, Đội Công trình đô thị, các đơn vị trường học tiếp tục thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Việc thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã tạo điều kiện thuận lợi để các đơn vị phát huy tính chủ động, sáng tạo, sắp xếp, tổ chức bộ máy gọn nhẹ, hiệu quả, phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan,

đơn vị và từng cá nhân trong việc khai thác nguồn lực chống lãng phí, thực hành tiết kiệm.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, Kết luận số 17-KL/TW ngày 11/9/2017 của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện biên chế, tinh giản biên chế của các tổ chức trong hệ thống chính trị năm 2015-2016, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2017-2021. Kết quả 50% số kinh phí ngân sách giảm chi do thực hiện các Nghị quyết này được bổ sung vào nguồn thực hiện cải cách tiền lương là 2.395 triệu đồng.

Việc thực hiện các quy định về công khai, UBND huyện đã thực hiện công khai dự toán ngân sách năm 2021 theo quy định. Tại các cơ quan, đơn vị công khai bằng các hình thức: đăng trên trang thông tin điện tử, niêm yết công khai và thông báo tại cuộc họp hàng tháng, quý gắn với việc thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan. Nội dung công khai chủ yếu là việc sử dụng ngân sách nhà nước, kế hoạch mua sắm, sửa chữa, sử dụng trang thiết bị làm việc; quy hoạch, đào tạo, tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức...

Trong năm 2021 tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ảnh hưởng nhiều đến đời sống nhân dân trên địa bàn huyện, thực hiện nghiêm các Nghị Quyết 16/NQ-CP ngày 08/02/2021, Nghị quyết 48/NQ-CP ngày 06/5/2021 của Chính phủ, Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ, UBND huyện đã phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các đoàn thể chính trị huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu được các quy định. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện phối hợp với các cơ quan liên quan, UBND các xã, thị trấn làm tốt công tác phòng, chống dịch theo phương châm “chống dịch như chống giặc”, tập trung thực hiện hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới.

Thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 20/6/2020 của Bộ chính trị về lãnh đạo cuộc Bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XV và Bầu cử ĐBHDND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026, đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị UBND các xã, thị trấn trong phạm vi quyền hạn trách nhiệm, chuẩn bị mọi điều kiện tốt nhất để cuộc bầu cử diễn ra an toàn, tiết kiệm, đạt kết quả cao, đến thời điểm hiện tại cuộc bầu cử đã hoàn tất và đạt nhiều kết quả đáng khích lệ.

2. Về quản lý đầu tư xây dựng:

Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021 được Hội đồng nhân dân huyện khóa XII – Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua. Các công trình được phân bổ vốn đầu tư năm 2021 đảm bảo tuân thủ đúng theo quy định. Các cơ quan, đơn vị, chủ đầu tư đã có nhiều cố gắng trong công tác quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước góp phần tích cực nâng cao hiệu quả, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn huyện.

Tổng số công trình triển khai năm 2021 là 77 công trình, trong đó: 67 công trình khởi công mới; 09 công trình thanh toán khối lượng hoàn thành và 01 công trình chuyển tiếp. Tổng mức đầu tư: 126.228 triệu đồng, trong đó: Kế hoạch vốn năm 2021: 81.441 triệu đồng. Khối lượng thực hiện 66.203 triệu đồng. Giải ngân 68.498 triệu đồng, đạt 84% KH.

Số công trình thực hiện quyết toán năm 2021: 260 công trình, tổng mức đầu tư: 259.533.000.000 đồng, tổng số vốn đã thanh toán 246.307.000.000 đồng, tổng giá trị quyết toán 99.316.000.000 đồng,

Trong năm 2021 đã tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình theo quy định; tăng cường công tác giám sát của nhân dân; thông qua việc thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh đã tiết kiệm được 337 triệu đồng. Thông qua công tác đầu tư, thi công đã tiết kiệm được 1.090 triệu đồng so với dự toán được phê duyệt. Qua kiểm tra các công trình đã kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý vốn, tiến độ thi công công trình, hạn chế tối đa tình trạng thất thoát, lãng phí và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

Hầu hết các chủ đầu tư chấp hành tốt việc lập hồ sơ quyết toán theo quy định. Tuy nhiên, vẫn còn một số chủ đầu tư còn xem nhẹ công tác quyết toán vốn đầu tư, chưa thực hiện lập, trình thẩm tra phê duyệt quyết toán kịp thời theo quy định.

3. Về quản lý, sử dụng đất đai, trụ sở làm việc, nhà công vụ:

Đẩy mạnh hoàn thành việc xây dựng kế hoạch, quy hoạch sử dụng đất cấp xã và cấp huyện góp phần khắc phục tình trạng đất bị bỏ hoang và có kế hoạch sử dụng hiệu quả hơn đối với các khu đất trống, chưa sử dụng nhằm khai thác nguồn thu quỹ đất; công khai phổ biến rộng rãi cho nhân dân và tổ chức thực hiện đúng quy hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với các ngành chức năng hoàn thiện các thủ tục, đẩy nhanh tiến độ giao đất, cho thuê đất đối với khu A, khu B, khu C- Khu biệt thự, khu đất thu hồi của Công ty 25, Khu trung tâm hành chính xã Glar. Vận động các tổ chức, hộ dân còn lại thống nhất với phương án đền bù đã được phê duyệt và tiến hành nhận tiền đền bù thuộc các dự án: cảng hàng không Pleiku tại xã Ia Băng, đường vào sân Golf, khu biệt thự nhà ở, thu hồi đất giao cho BCH Quân sự huyện...

Thực hiện công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính các công trình đo đạc, cấp giấy CNQSD đất tập trung tại các khu đo tại xã Hà Đông, xã Đak Somei.

Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà công vụ, các công trình phúc lợi khác đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

4. Tiết kiệm trong quản lý khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường:

Thực hiện Chỉ thị 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường các giải pháp trong quản lý và cấp phép tài nguyên khoáng sản. Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo thành lập các đội tuần tra rà soát các hoạt động khai thác về tài nguyên khoáng sản nhằm chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời các hành vi khai thác trái phép. Trong năm 2021, qua công tác kiểm tra đã phát hiện và xử lý

01 vụ vi phạm trong lĩnh vực đất đai, thu nộp ngân sách nhà nước 45 triệu đồng; 08 vụ vi phạm lĩnh vực bảo vệ môi trường, 24 vụ vi phạm trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ, phát triển rừng và quản lý lâm sản, xử lý vi phạm hành chính số tiền xử phạt hành chính 230,38 triệu đồng, tịch thu 01 máy kéo, 04 máy cưa xăng, 12,55m³ gỗ tròn, xe nhóm V.

5. Về đào tạo, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động:

Cán bộ, công chức được tuyển dụng, sử dụng đúng với trình độ chuyên môn đào tạo, phát huy được năng lực, sở trường của nguồn lao động, không để xảy ra tình trạng mất cân đối giữa đào tạo và sử dụng, tuyển dụng không phù hợp với nhu cầu sử dụng, sử dụng không đúng chuyên môn đào tạo.

Thực hiện Nghị định 132/2007/NĐ-CP ngày 08/8/2007 của Chính phủ, Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế các cơ quan, định kỳ 06 tháng, UBND huyện báo cáo tình hình thay đổi, bổ sung cán bộ, công chức thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 132/2007/NĐ-CP ngày 08/8/2007, Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị định 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 của Chính phủ với các ngành cấp trên. Xây dựng kế hoạch biên chế năm 2021 gắn với sắp xếp bộ máy, tinh giản biên chế, tinh giản vị trí việc làm và cơ cấu lại đội ngũ CBCCVC.

Thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng lao động và thời gian lao động theo Luật và nội quy, quy chế của cơ quan cùng với việc triển khai thực hiện Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 và Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

6. Quản lý, sử dụng tài sản:

Trong dự toán năm 2021, các cơ quan đơn vị thuộc huyện thực hiện mua sắm tập trung đối với những tài sản thuộc danh mục phải mua sắm tập trung theo quyết định 517/QĐ-UBND ngày 16/10/2018, Quyết định 594/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh.

Tiếp tục thực hiện tiết kiệm mua sắm, trang bị, sửa chữa phương tiện đi lại, đặc biệt là xe ô tô. Trong năm 2021 không phát sinh, mua mới phương tiện đi lại; thực hiện thanh lý 01 xe ô tô theo đúng quy định.

Việc sử dụng phương tiện đi lại đúng mục đích, đúng đối tượng và không vượt định mức, tiêu chuẩn theo quy định. Việc quản lý phương tiện, định mức tiêu hao nhiên liệu được thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Việc sử dụng trang thiết bị được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý sử dụng tài sản công của từng cơ quan, đơn vị.

Đối với nhà làm việc và trang thiết bị công tác: bố trí phòng, nơi làm việc hợp lý, diện tích sử dụng vừa đủ không lãng phí so với quy định. Trang thiết bị công tác không thừa so với định mức của Nhà nước.

Đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. Tổng số cơ sở nhà, đất trên địa bàn huyện đang quản lý là: 235 cơ sở đất, 589 ngôi nhà, trong đó: tổng diện tích sàn xây dựng nhà 108,401,19 m², tổng diện tích đất 1.137.327,60 m².

7. Tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng của nhân dân:

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đã tích cực triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân trong việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tiêu dùng và sinh hoạt hàng ngày để phù hợp với tình hình kinh tế hiện nay, cụ thể trên một số lĩnh vực như: điện, nước, xăng dầu, điện thoại, lễ, tiệc... Cùng với việc làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, ý thức tiết kiệm của nhân dân đã được nâng lên, tình trạng phô trương, lãng phí trong việc tổ chức lễ hội, tiệc cưới, lễ tang đã có chiều hướng giảm, nhiều địa phương đã thực hiện theo nếp sống mới.

Các đơn vị sản xuất kinh doanh cũng tổ chức rà soát, sắp xếp lại lao động trong đơn vị nhằm giảm chi phí sản xuất kinh doanh, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sử dụng lao động.

III. Về công tác thanh tra, kiểm tra thực hành tiết kiệm chống lãng phí:

Trong năm 2021 đã thực hiện 06 cuộc thanh tra, kiểm tra liên quan đến thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, số cơ quan tổ chức được thanh tra, kiểm tra là 16 đơn vị. Qua kiểm tra, thanh tra đã kiến nghị thu nộp ngân sách nhà nước 64,276 triệu đồng do chi sai quy định.

IV. Đánh giá tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí:

1. Kết quả đạt được:

Triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý ngân sách, quản lý đầu tư xây dựng, quản lý tài sản nhà nước.

Thực hiện tốt việc công khai dự toán, quyết toán ngân sách, kế hoạch kinh tế - xã hội, quy hoạch, ... hàng năm bằng hình thức gửi văn bản đến các cơ quan, tổ chức và niêm yết tại trụ sở làm việc.

Xây dựng và thực hiện tốt các cuộc thanh tra, kiểm tra, phát hiện uốn nắn kịp thời các sai phạm trong việc thực hiện Luật Ngân sách, Luật Kế toán, Luật Đất đai và trong lĩnh vực đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm....

2. Một số tồn tại:

Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật nói chung và vận động quần chúng nhân dân tham gia giám sát việc triển khai thực hiện Luật THTK, CLP có lúc, có nơi còn hạn chế, chưa sâu sát với thực tế, hiệu quả đem lại chưa cao.

Các biện pháp THTK, CLP đề ra còn mang tính chung chung, chưa cụ thể với đặc điểm tình hình, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện chế độ thông tin, báo cáo chưa nghiêm túc, chưa kịp thời, nên việc tổng hợp báo cáo chung tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của huyện còn gặp khó khăn.

Vai trò giám sát kết quả thực hiện nội dung THTK, CLP của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể trong mỗi cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn

chưa đạt được hiệu quả tối ưu, dẫn đến ý thức chấp hành về thời gian lao động của cán bộ, công chức, viên chức nhìn chung được nâng lên nhưng hiệu quả sử dụng thời gian lao động trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập đôi lúc chưa cao.

Một số đám cưới, đám ma còn tổ chức kéo dài hai, ba ngày gây tốn kém tiền của, thời gian, ngày công lao động của nhân dân.

3. Biện pháp khắc phục tồn tại:

Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nâng cao hơn nữa nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền và trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong việc quản lý, điều hành và sử dụng NSNN.

Tiếp tục triển khai thực hiện khoán kinh phí hoạt động, giao tự chủ tài chính cho các cơ quan, tổ chức một cách có hiệu quả, tự chủ về tài chính, biên chế.

Thực hiện các biện pháp khuyến khích để toàn dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tích cực triển khai công tác tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong việc ma chay, cưới hỏi thực hiện theo nếp sống mới.

Triển khai, hoàn thiện các quy định về việc khen thưởng kịp thời đối với các tổ chức, cá nhân phát hiện thông tin lãng phí có giá trị, có biện pháp bảo vệ người cung cấp thông tin lãng phí; đồng thời, có biện pháp để loại trừ các trường hợp lợi dụng để gây mâu thuẫn nội bộ, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức.

Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý tài sản công, thường xuyên kiểm kê, cập nhật sổ sách theo quy định.

Thực hiện tốt chế độ báo cáo thông suốt, kịp thời đúng theo quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trên địa bàn huyện năm 2021./. *VP*

Nơi nhận:

- Sở Tài chính (b/c);
- HĐND huyện (b/c);
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Thanh tra huyện;
- Phòng VH & TT (đăng tải trang TTĐT);
- Lưu: VT, KT. *VP*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Minh Trung

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: năm 2021

(Kèm theo Báo cáo số: 44...../BC-UBND ngày 15./02/2022 của UBND huyện Đắk Đoa)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2020)	Kế hoạch của năm báo cáo (2021)	Kết quả thực hiện	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	10=6/5(%)	11
1	Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ							
1	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được sửa đổi, bổ sung	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền Việt Nam đồng)	triệu đồng						
11	Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)		2.772,20	2.095,00	2.144,46			
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN		1.077	200	300			
	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chi đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng	100		0			
1.4	Các nội dung khác	triệu đồng	977	200	300	30,7		150
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		1.695,2	1.895,00	1.844,46	108,8	97,3	Số tiền tiết kiệm dự toán trên cơ sở duyệt, mức khoán chi được duyệt
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		1.229	775	1.050	85,4	135,5	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	110	150	210	190,9	140	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	90	95	112	124,4	117,9	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	52	90	62	119,2	68,9	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	54	60	69	127,8	115	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	32	90	52	162,5	57,8	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2020)	Kế hoạch của năm báo cáo (2021)	Kết quả thực hiện	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	10=6/5(%)	11
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	50	60	120	240	200	Số tiền tiết kiệm xác định trên cơ sở dự toán được duyệt; mức khoán chi được duyệt
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	676	100	153	22,6	153,0	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	130	90	230	176,9	255,6	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	35	40	42	120	105	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)		116	120	109	94	90,8	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	116	297,85	188,85	162,8	63,4	
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:		116	120	109	94	90,8	
	Thẩm định, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thương thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác		116	120	109	94,0	90,8	Tiết kiệm so với dự toán, định mức, tiêu chuẩn hoặc mức khoán chi được duyệt
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng	187,2	640	668,11	356,9	104,4	
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng	100	300				
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng	0	0				
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng	63	50	17,35	27,5	34,7	
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng	0	10				
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị	93	93	93	100	100	
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị	0		0			
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng	0					
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2020)	Kế hoạch của năm báo cáo (2021)	Kết quả thực hiện	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	10=6/5(%)	11
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	9	9	8	88,9	88,9	
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	0	0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	0	0	1			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc		0	0			
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng		0	0			
2	Tài sản khác		6					
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản	6	49	0	0	0	
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản	0	0	0			
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng	0	0	0			
3	Các nội dung khác				0			
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm:	triệu đồng	1.526	2.050	2.677	175,4	130,6	
	- <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán</i>	triệu đồng		500	1.200		240	Tiết kiệm so với
	- <i>Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...</i>	triệu đồng	1.056	600	337	31,9	56,2	dự toán được phê
	- <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i>	triệu đồng	421	900	1.090	258,9	121,1	duyet
	- <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng	48,59	50	50			
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2020)	Kế hoạch của năm báo cáo (2021)	Kết quả thực hiện	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	10=6/5(%)	11
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Tỷ số làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m2	83.309	83.309	83.309,09	100	100	
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	11.702	932	612,70	5,2	65,7	
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	592	0		0		
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0				
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0				
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m2	15.507	15.507	15.507			
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m2	0	0				
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m2	0	0				
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m2	0	0				
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m2	0	0				
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng	0	0				
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m2						
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m2	1	1	1,00			
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	1,5	10	45	3000	450	
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ	42	30	32,00	76,2	106,7	
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng	134,75	130	230,38	171,0	177,2	

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2020)	Kế hoạch của năm báo cáo (2021)	Kết quả thực hiện	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	10=6/5(%)	11
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án						
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng						
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
4.1	Số lượng vụ việc vi phạm	vụ						
4.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
VII	Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh	triệu đồng						
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng						
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng							
	Tiết kiệm điện	Kw/h						
	Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)						
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng						
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng						
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng						
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2020)	Kế hoạch của năm báo cáo (2021)	Kết quả thực hiện	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4(%)	10=6/5(%)	11
	Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng						
	Thực hiện đấu tư, thi công	triệu đồng						
	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng						
2.4	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.5	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng						
	Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng						
	Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng						
4	Mua sắm phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc						
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc						
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng						
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	chiếc						
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng						
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc						
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng						
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước (2020)	Kế hoạch của năm báo cáo (2021)	Kết quả thực hiện	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	$7=6/4(\%)$	$10=6/5(\%)$	11
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng						
	Số cuối kỳ	triệu đồng						
VIII Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng của nhân dân								
1	Hộ gia đình thực hiện nếp sống văn hóa, THPT, CLP	Lượt hộ	21.630	23.280	23.268	107,6	99,9	
2	Các vụ việc gây lãng phí được phát hiện	Vụ						
IX Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán về THPT, CLP								
1	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã triển khai thực hiện	cuộc	5	6	8	160	133,3	
2	Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP đã hoàn thành	cuộc	5	6	6	120	100	
3	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra, kiểm tra về THPT, CLP	cơ quan/tổ chức/đơn vị	17		16	94,1		
4	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị có lãng phí, vi phạm về THPT, CLP được phát hiện	cơ quan/tổ chức/đơn vị	2		11	550		
5	Tổng giá trị tiền, tài sản bị lãng phí, sử dụng sai chế độ phát hiện được qua thanh tra, kiểm tra, giám sát	triệu đồng	379,42		142,37	37,5		
6	Tổng giá trị tiền, tài sản lãng phí, vi phạm đã xử lý, thu hồi	triệu đồng	379,42		64,28	16,9		